

Số: 1698 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Bạch Đằng, Sông Cấm, Kênh Hà Nam) năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-BGTVT ngày 18/12/2020 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2021;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Bạch Đằng, Sông Cấm, Kênh Hà Nam) năm 2021 họp ngày 30/8/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Bạch Đằng, Sông Cấm, Kênh Hà Nam) năm 2021 đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 2582/TCTBĐATHHMB-BĐATHH ngày 10/9/2021 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Bạch Đằng, Sông Cấm, Kênh Hà Nam) năm 2021 (sau đây gọi là Dự án) của Tổng công ty Bảo đảm an

toàn hàng hải miền Bắc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại: các phường Đông Hải 1, Đông Hải 2 (quận Hải An); phường Máy Chai (quận Ngô Quyền); các xã Tân Dương, Dương Quan, Thủy Triều (huyện Thủy Nguyên); các xã Nghĩa Lộ, Đồng Bài (huyện Cát Hải), thành phố Hải Phòng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng giám sát sự tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với phương tiện thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét của dự án.

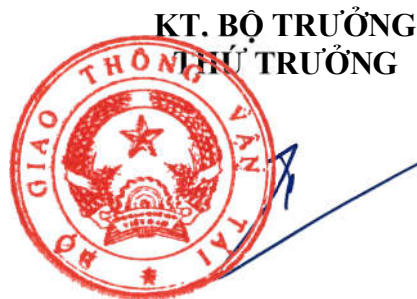
Vụ Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra sự tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Môi trường, Kết cấu hạ tầng giao thông; Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng; Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Sở TN&MT thành phố Hải Phòng;
- Công TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, MT (5)^{Thuyết.}



Nguyễn Xuân Sang



PHỤ LỤC

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường của công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Bạch Đằng, Sông Cấm, Kênh Hà Nam) năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1698 /QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

a) Tên dự án

Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Bạch Đằng, Sông Cấm, Kênh Hà Nam) năm 2021.

b) Chủ dự án

- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc

- Địa chỉ: Số 01, Lô 11A đường Lê Hồng Phong, quận Hải An, Tp. Hải Phòng

- Điện thoại: 02253.550.517

- Fax: 02253.550.797

c) Địa điểm thực hiện

Các xã, phường: Đông Hải 1, Đông Hải 2 (quận Hải An); Máy Chai (quận Ngô Quyền); Tân Dương, Dương Quan, Thủy Triều (huyện Thủy Nguyên); Nghĩa Lộ, Đồng Bài (huyện Cát Hải), thành phố Hải Phòng.

1.2. Phạm vi, quy mô thực hiện; các hạng mục công trình

a) Luồng hàng hải Hải Phòng

Nạo vét không liên tục với tổng chiều dài các đoạn nạo vét trên tuyến luồng là 7,375 km gồm các đoạn được không chế bởi các tọa độ như sau:

* Đoạn kênh Hà Nam: nạo vét không liên tục từ cặp phao (P29-P30) đến cặp phao (P43-P46) gồm 67 mặt cắt, tổng chiều dài nạo vét khoảng 3,5 km, từ Km22+600 đến Km28+650 đạt chuẩn tắc:

- Chiều rộng đáy luồng : B = 80 m
- Độ sâu đáy nạo vét : H = -7,0 m (Hải đồ)
- Mái dốc nạo vét thượng lưu, hạ lưu kênh : m = 10
- Mái dốc nạo vét trong kênh : m = 7
- Bán kính cong chuyển hướng:
 - + Khu vực hạ lưu kênh Hà Nam : R = 2.000 m
 - + Khu vực thượng lưu kênh Hà Nam : R = 1.300 m

Bảng 1. Tọa độ ranh giới các khu vực thi công nạo vét đoạn kênh Hà Nam

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000, $L_0 = 105^{\circ}45'$ múi chiếu 3 ⁰		Chiều dài đoạn nạo vét (m)
		X(m)	Y(m)	
1	MC0	2303157,8	619143,6	1.550
	MC5	2303236,8	618959,9	
	MC10	2303309,7	618720,9	
	MC15	2303355,3	618476,9	
	MC20	2303367,3	618226,4	
	MC25	2303351,1	617977,2	
	MC30	2303316,9	617734,6	
	MC0	2303306,8	617679,2	
2	MC0	2303015,7	615649,9	1.000
	MC31	2303008,8	615600,4	
	MC35	2302980,3	615402,5	
	MC40	2302944,7	615155,0	
	MC45	2302909,3	614907,5	
	MC49	2302881,0	614709,6	
	MC0	2302873,8	614660,1	
5	MC0	2302795,7	614115,6	950
	MC50	2302788,6	614066,1	
	MC55	2302763,3	613817,7	
	MC60	2302783,8	613568,9	
	MC67	2302892,8	613257,3	
	MC0	2302915,6	613192,9	
Tổng chiều dài			3.500	

* Đoạn Bạch Đằng: nạo vét từ khu vực cảng Nam Đình Vũ đến khu vực cầu Bạch Đằng, gồm 63 mặt cắt, tổng chiều dài nạo vét khoảng 3,225km, từ Km 31+00 đến Km37+00 đạt chuẩn tắc:

- Chiều rộng đáy luồng : B = 80 m
- Độ sâu đáy nạo vét : H = -7,0 m (Hải đồ)
- Mái dốc nạo vét phạm vi luồng : m = 15
- Mái dốc nạo vét phạm vi vũng quay tàu : m = 5
- Bán kính cong chuyển hướng:
 - + Khu vực đèn ARRYO : R = 1.900 m
 - + Khu vực cặp phao P55, P60 : R = 1.050 m
- Vũng quay tàu:
 - + Khu vực cảng Đình Vũ : D = 260 m

Bảng 2. Tọa độ ranh giới các khu vực thi công nạo vét đoạn Bạch Đằng

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000, $L_0 = 105^{\circ}45'$ múi chiếu 3 ⁰		Chiều dài đoạn nạo vét (m)
		X(m)	Y(m)	
1	MC0	2304463,6	611449,5	200
	MC1	2304447,7	611388,0	
	MC3	2304484,7	611297,4	
	MC0	2304539,0	611264,4	
2	MC0	2304612,8	610974,0	550
	MC5	2304262,5	610875,0	
	MC10	2304637,1	610575,4	
	MC0	2304636,1	610425,4	
3	MC0	2304632,7	609925,4	350
	MC15	2304631,6	609775,4	
	MC18	2304630,6	609625,4	
	MC0	2304630,3	609575,4	
4	MC19	2304629,3	609425,4	2.150
	MC20	2304628,3	609275,5	
	MC25	2304262,3	608975,5	
	MC30	2304624,5	608725,5	
	MC35	2304622,8	608475,5	
	MC40	2304639,3	608226,5	
	MC45	2304712,6	607988,1	
	MC50	2304837,2	607771,7	
	MC55	2304973,1	607561,9	
	MC58	2305054,6	607436,0	
5	MC0	2305081,8	607394,0	300
	MC0	2305869,9	606176,9	
	MC60	2305806,7	606016,8	
	MC67	2306005,8	605967,0	
	MC0	2306032,9	605925,0	
Tổng chiều dài				3.150

* Đoạn sông Cấm: nạo vét đoạn sông Cấm gồm 3 khu vực vũng quay, tổng chiều dài nạo vét khoảng 650m đạt chuẩn tắc:

- Chiều rộng đáy luồng : B = 80 m
- Độ sâu đáy nạo vét : H = -5,5 m (Hải đồ)
- Mái dốc nạo vét phạm vi luồng : m = 10
- Mái dốc nạo vét phạm vi vũng quay tàu : m = 5

- Bán kính cong chuyên hướng:

+ Khu vực cặp phao P68 : R = 925 m

- Vũng quay tàu:

+ Khu vực cảng Chùa Vẽ : D = 220 m

+ Khu vực cảng Cấm : D = 220 m

+ Khu vực cảng Hải Phòng : D = 220 mb.

Bảng 3. Tọa độ ranh giới các khu vực thi công nạo vét đoạn sông Cấm

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000, $L_0 = 105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°		Chiều dài đoạn nạo vét (m)
		X(m)	Y(m)	
1	MC0	2307932,1	601670,1	225
	MC1	2307945,4	601649,0	
	MC8	2308051,9	601510,5	
	MC0	2308068,1	601491,4	
2	MC0	2309046,1	600456,8	200
	MC10	2309081,6	600421,6	
	MC15	2309170,4	600333,6	
	MC0	2309188,2	600316,1	
3	MC0	2308697,1	597393,8	225
	MC16	2308687,1	597687,1	
	MC20	2308647,2	597647,2	
	MC0	2308616,1	597616,1	
Tổng chiều dài				650

* Tổng khối lượng nạo vét là: 459.820 m³

b) Bãi chứa chất nạo vét

Bãi chứa chất nạo vét của công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn kênh Hà Nam, Bạch Đằng, sông Cấm) năm 2021 là khu đất có diện tích 55 ha thuộc Khu công nghiệp Nam Đình Vũ - Khu 2 (DEEP C 2A) đã được UBND thành phố Hải Phòng chấp thuận tại văn bản số 2964/UBND-GT ngày 10/5/2021 có tọa độ giới hạn như sau:

Bảng 4. Tọa độ các điểm giới hạn bãi chứa chất nạo vét

STT	Tên điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000 KTT $105^{\circ}45'$, MC 3°)	
		X(m)	Y(m)
1	B1	608.763,5	2.299.082,9
2	B2	608.733,1	2.300.002,8
3	B3	609.322,2	2.300.020,9
4	B4	609.362,4	2.299.102,7

Tuyến đê bao bãi chứa do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng chịu trách nhiệm thiết kế, thi công (theo thỏa thuận tại văn bản số HPIP/LDR/LET-EN-NV-2021-2 ngày 16/7/2021) với thông số kỹ thuật như sau:

- Loại 1: bao gồm tuyến đê bao phía Đông và phía Nam có kết cấu bằng ống địa kỹ thuật (geotube).

- Loại 2: bao gồm tuyến đê bao phía Bắc, phía Tây và đê ngăn phân chia khu vực bãi chứa cũng như đê ngăn hồ lắng; cửa tràn bằng đất đắp.

Thông số kỹ thuật của các tuyến đê bao và đê ngăn bãi chứa như sau:

- + Tổng chiều dài đê bao bãi chứa : 3.040m
- + Tổng chiều dài tuyến đê ngăn bãi chứa : 1.146 m
- + Cao trình đỉnh đê : +6,0m (Hải đồ)
- + Bề rộng đỉnh đê : 5,3m

- Hồ lắng: Hồ lắng được bố trí tại vị trí B1 khu III phía Tây Nam của bãi chứa.

c) Hồ chứa tạm và luồng tạm

Hồ chứa tạm và luồng tạm được bố trí tại thượng lưu phao số 18 ở bên biên trái đoạn luồng Nam Triệu, cách cầu Tân Vũ - Lạch Huyện khoảng 350m về phía thượng lưu và cách mép hồ chứa tạm của công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng năm 2020 (đoạn Lạch Huyện) về phía hạ lưu khoảng 50m, có thông số kỹ thuật như sau:

* Hồ chứa tạm:

- Kích thước : LxB = 200 x 115m
- Độ sâu nạo vét : -4,0m(HĐ)
- Mái dốc nạo vét : m = 3

* Luồng tạm

- Bề rộng luồng tạm : $B_{lt} = 90m$
- Độ sâu nạo vét : -3,2 m (HĐ)
- Mái dốc nạo vét : m = 3

* Tổng khối lượng nạo vét hồ chứa tạm và luồng tạm: 34.480 m³.

Hồ chứa tạm và luồng tạm của dự án được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Bảng 5. Tọa độ các điểm giới hạn hồ chứa tạm

STT	Tên điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000 KTT 105 ⁰ 45', MC 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
Hồ chứa tạm			
1	H1	2.302.365,7	613.021,6

STT	Tên điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000 KTT 105°45', MC 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
2	H2	2.302.551,6	612.947,7
3	H3	2.302.509,0	612.840,9
4	H4	2.302.323,2	612.914,8
Luồng tạm			
1	IT1	2.302.463,4	612.892,8
2	IT2	2.302.763,6	613.346,5
3	IT3	2.302.655,1	613.073,7

Sau khi thi công xong hồ chứa tạm được hoàn nguyên đến cao độ -3,2 m; khối lượng hoàn trả (giảm trừ khối lượng hút phun lên bãi chứa) là 23.741 m³.

1.3. Công nghệ thi công công trình

a) Hồ chứa tạm và luồng tạm

Sử dụng 02 tàu hút phun công suất ≤ 10.000 CV và 01 tàu hút phun công suất ≥ 10.000 CV để nạo vét và bơm chuyển chất nạo vét từ hồ chứa tạm, luồng tạm lên bãi chứa.

b) Luồng hàng hải Hải Phòng

- Đoạn luồng Sông Cấm

Sử dụng 03 máy đào gầu dây công suất ≤ 2.500 CV với dung tích gầu ≤ 12 m³ để cuốc và chuyển chất nạo vét từ đáy luồng lên sà lan mở đáy công suất ≤ 600 CV.

Chất nạo vét được 06 sà lan mở đáy công suất ≤ 600 CV vận chuyển về vị trí hồ chứa tạm, thả xuống hồ chứa tạm và được tàu hút phun bơm chuyển lên bãi chứa.

- Đoạn luồng kênh Hà Nam và đoạn Bạch Đằng

Sử dụng 02 tàu hút bùn tự hành có công suất từ 6000CV - 9000 CV và 04 tàu hút bùn tự hành công suất ≤ 6000 CV để thực hiện nạo vét.

Sau khi kết thúc hoạt động nạo vét, chất nạo vét được vận chuyển về vị trí hồ chứa tạm, thả xuống hồ chứa tạm và được tàu hút phun bơm chuyển lên bãi chứa.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 3. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Hoạt động của dự án	Các tác động môi trường chính của dự án
1	Thi công hồ chứa tạm, luồng tạm; bố trí hệ thống đường ống phục vụ hoạt động đưa chất	a) Thay đổi chất lượng môi trường nước do: (1) hoạt động nạo vét luồng, luồng tạm, hồ chứa tạm; (2) nước tràn từ khoang chứa của sà lan mở đáy, tàu hút bùn; (3) thả chất nạo vét từ sà lan mở đáy, tàu hút

TT	Hoạt động của dự án	Các tác động môi trường chính của dự án
	nạo vét lên bãi chứa	bụng xuống hồ chứa tạm; (4) bơm hút chất nạo vét lên bãi chứa; (5) nước xả từ bãi chứa chất nạo vét; (6) nước thải sinh hoạt của công nhân.
2	Thi công nạo vét tuyến luồng	b) Thay đổi chất lượng môi trường không khí do bụi và khí độc (TSP, CO, SO ₂ , NO ₂) phát sinh từ hoạt động của phương tiện, thiết bị tham gia thi công.
3	Vận chuyển chất nạo vét từ khu vực nạo vét đến vị trí hồ chứa tạm	c) Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại trong quá trình thi công và sinh hoạt của công nhân.
4	Thả chất nạo vét xuống hồ chứa tạm	d) Ảnh hưởng tới hệ sinh thái thủy sinh trong khu vực sông Cẩm, sông Bạch Đằng và cửa Nam Triệu do thay đổi chất lượng các thành phần môi trường, sự cố môi trường trong quá trình thi công dự án.
5	Bơm chuyển chất nạo vét lên bãi chứa	
6	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Nước xả từ bãi chứa chất nạo vét

Nước xả từ bãi chứa chất nạo vét có nồng độ chất rắn lơ lửng cao phát sinh từ quá trình bơm chất nạo vét lên bãi chứa trong 57 ngày thi công nạo vét (bao gồm: thi công luồng tạm, hồ chứa tạm; thi công nạo vét luồng) sau khi lắng đọng, tách chất nạo vét với tổng thể tích khoảng 741.450 m³.

b) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt chứa các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và các vi sinh vật phát sinh trong 60 ngày thi công từ sinh hoạt của tối đa 191 công nhân tham gia thi công với thể tích khoảng 15,28 m³/ngày đêm và phân tán trên các phương tiện thi công.

c) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan mở đáy, tàu hút bụng

Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan mở đáy, tàu hút bụng có nồng độ chất rắn lơ lửng cao phát sinh trong khoảng 50 ngày thi công, vận chuyển chất nạo vét từ vị trí nạo vét về hồ chứa tạm.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Khí thải (TSP, SO₂, NO₂, CO) phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu của các phương tiện thi công (cao nhất khoảng 63.492 đầu DO/ngày) trong 60 ngày trên phạm vi dọc tuyến thi công nạo vét, vận chuyển, hồ chứa tạm và bãi chứa chất nạo vét.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong 60 ngày thi công từ hoạt động của

tối đa 191 công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 0,955 m³/ngày và phân tán trên các phương tiện thi công.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (chủ yếu là: dầu thải; nước lẫn dầu; giẻ lau dính dầu) phát sinh trong 60 ngày thi công do rò rỉ nhiên liệu, thay dầu bôi trơn, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện tham gia thi công với khối lượng phát sinh phụ thuộc vào tình trạng kỹ thuật, chu kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước xả từ bãi chứa chất nạo vét

- Sử dụng tàu hút phun đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt.
- Bố trí lưới lọc thô tại cửa tràn, lắng tại hố lắng và lưới lọc tinh tại cửa xả; thường xuyên kiểm tra bảo đảm hiệu quả lọc của lưới lọc.

b) Nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải vệ sinh: Phương tiện thủy tham gia thi công được trang bị nhà vệ sinh và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định tại QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Đối với nước thải từ quá trình tắm giặt, rửa tay, ăn uống: được thu gom riêng, lọc tách rác có kích thước lớn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; rác sau khi tách phải được thu gom, lưu giữ, xử lý theo yêu cầu tại mục 3.3.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công không phóng uế bừa bãi, không thải trực tiếp nước thải ra môi trường xung quanh.

c) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan mở đáy, tàu hút bùn

- Sử dụng máy đào gầu dây, sà lan mở đáy, tàu hút bùn đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt; tuân thủ trọng tải của phương tiện.

- Lắp lưới lọc tại cửa tràn của phương tiện chuyên chở chất nạo vét (sà lan, tàu hút bùn); thường xuyên kiểm tra bảo đảm hiệu quả lọc của lưới lọc.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công tuân thủ trọng tải của sà lan mở đáy.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa chuyên dụng trên phương tiện; không thải chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt trên phương tiện; định kỳ 02-03 ngày/lần thực hiện chuyển giao, lập biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Hải Phòng để thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu thải, nước lẫn dầu: phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa, két chứa chuyên dụng, có dán nhãn tiêu chuẩn và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ:2016.

- Đối với giẻ lau dính dầu: trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng dung tích từ 60 lít - 90 lít màu đen hoặc màu vàng trên từng phương tiện thủy tham gia thi công; dán nhãn cảnh báo tiêu chuẩn theo quy định và bố trí thùng chứa tại vị trí có mái che.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ chất thải nguy hại trong thùng chứa, két chứa trên phương tiện; không thải chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện; thực hiện chuyển giao, lập chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với tổ chức có chức năng trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.

3.5. Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn

- Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tuân thủ biện pháp tổ chức thi công theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

- Trang bị bảo hộ lao động cá nhân giảm ồn cho công nhân vận hành phương tiện, máy móc, thiết bị thi công theo quy định.

3.6. Các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tràn dầu; sự cố tại nạn giao thông thủy

- Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn giao thông được Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng phê duyệt trong thi công công trình.

- Phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg, QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ:2016; bố trí gờ quây gom dầu cho két chứa, máy, thiết bị, khu vực bảo dưỡng, ... có sử dụng/phát sinh dầu trên mặt boong phương tiện.

- Thỏa thuận với đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn trước khi thi công công trình để phối hợp khi xảy ra sự cố tràn dầu.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố vỡ đê bao

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng thực hiện kiểm tra, giám sát bảo đảm hệ thống đê bao bãi chứa được thi công, nghiệm thu theo đúng thiết kế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình trạng bờ bao, mực nước trong bãi chứa so với chiều cao thiết kế của đê bao để có biện pháp gia cố phù hợp, kịp thời.

- Tạm dừng thi công phun chất nạo vét lên bãi chứa khi thấy hiện tượng rạn nứt, vỡ đê bao; tổ chức thực hiện gia cố lại đê bao; tiến hành kiểm tra chất lượng đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi công trở lại; thực hiện bơm lại phần chất nạo vét bị chảy ra ngoài môi trường xung quan trở lại bãi chứa; đền bù thiệt hại theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chủ dự án quản lý công tác bảo vệ môi trường của dự án thông qua:

a) Quy định trách nhiệm của nhà thầu thi công tuân thủ thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nêu tại mục 3 trong hợp đồng thi công công trình;

b) Thuê tổ chức tư vấn độc lập giám sát, đôn đốc nhà thầu thi công trong suốt thời gian thi công công trình;

c) Thuê tổ chức quan trắc môi trường độc lập định kỳ thực hiện quan trắc, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu chất lượng môi trường liên quan trong suốt thời gian thi công công trình;

d) Tổ chức bộ máy chuyên trách hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường của dự án tới cán bộ, công nhân tham gia thi công; hàng tuần kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ môi trường của nhà thầu thi công và lập, lưu trữ biên bản đánh giá theo quy định của Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT.

Chi tiết chương trình quản lý môi trường của chủ dự án tại mục 4.1 Chương 4 Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được duyệt.

4.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giám sát nước thải

- Nội dung giám sát: giám sát việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải nêu tại mục 3.1 Phụ lục này.

- Vị trí giám sát: trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất giám sát: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh và việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nêu tại mục 3.3 Phụ lục này.

- Vị trí giám sát: trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần.

c) Giám sát chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh và việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nêu tại mục 3.4 Phụ lục này.

- Vị trí giám sát: trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần.

d) Giám sát chất lượng môi trường nước

Bảng 4. Chương trình giám sát chất lượng môi trường nước

STT	Ký hiệu	Mô tả vị trí	Chỉ tiêu	Tần suất
1	NB1	Khu vực hồ chứa tạm	pH, DO, TSS, tổng dầu mỡ khoáng	- 07 ngày/lần trong thời gian thi công - 02 mẫu/vị trí: triều cường, triều kiệt
2	NB2	Khu vực thi công đoạn đầu kênh Hà Nam (gần bãi nuôi ngao của các	pH, TSS, DO, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng	- 07 ngày/lần trong thời gian thi công - 02 mẫu/vị trí: triều cường, triều kiệt

STT	Ký hiệu	Mô tả vị trí	Chỉ tiêu	Tần suất
		hộ dân)		
3	NB3	Khu vực thi công đoạn giữa kênh Hà Nam, (gần cống mở lấy nước NTTS)	pH, TSS, DO, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng	- 07 ngày/lần trong thời gian thi công - 02 mẫu/vị trí: triều cường, triều kiệt
4	NB4	Khu vực cửa xả bãi chứa	pH, DO, TSS	- 07 ngày/lần trong thời gian thi công - 02 mẫu/vị trí: triều cường, triều kiệt

Việc giám sát chất lượng môi trường nước diễn ra trong suốt thời gian thi công của dự án và bắt đầu kể từ khi nhà thầu thi công tiến hành thi công hồ chứa tạm phun chất nạo vét lên bãi chứa./.